

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, THAM VẤN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ 01 DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được: 100 ý kiến (trong đó: 17 đơn vị có ý kiến tham gia, 83 đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo).

2. Kết quả cụ thể như sau:

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Các đơn vị có ý kiến tham gia		
Căn cứ ban hành	Văn phòng Sở: Văn bản số 26/CV-VP ngày 12/5/2026	1. Tại phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết quy định: “Căn cứ Thông tư số...../2026/TT-BNNMT ngày...tháng... năm.. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung “ngày...tháng... năm..” cho phù hợp theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 38 (trang 27), Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 của chính phủ.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	Đoạn cuối phần căn cứ ban hành, đề nghị bỏ từ “tỉnh Tuyên Quang” tại cụm từ “Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành” cho đúng Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
Khoản 1 Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	b) Khoản 1 Điều 1, đề nghị bổ sung tên gọi của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP cho đầy đủ, đúng kỹ thuật văn bản quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Sở Tài chính (lần 1): Văn bản số 3652/STC-NS ngày 16/5/2026	Đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định với đối tượng tham gia dự án là hộ gia đình. Tuy nhiên tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP giao cho địa phương quy định mức hỗ trợ đối với từng đối tượng tham gia dự án. Do đó đề nghị xác định các đối tượng tham gia đối với 03 loại dự án và quy định cụ thể mức hỗ trợ theo đúng phân cấp tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết quy định về định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án, do đó đối tượng tham gia được xác định là hộ gia đình, (trường hợp hộ đơn thân vẫn được hiểu là hộ gia đình), nên đơn vị soạn thảo giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết.
	UBND xã Tân Tiến: Văn bản số 640/UBND-PKT ngày 22/5/2026	Cần nêu rõ đối tượng nhóm 2 tham gia dự án là đối tượng nào (hộ trung bình, hộ khá, hộ giàu...) để làm cơ sở đưa các đối tượng này vào hỗ trợ khi tham gia dự án để hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức sản xuất cho các đối tượng của nhóm 1.	Các đối tượng nhóm 2 bao gồm các hộ không thuộc nhóm đối tượng 1 (là: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo)), việc tham gia dự án của đối tượng hộ nhóm 2 sẽ góp phần thúc đẩy việc phát triển kinh tế chung của nhóm, nhóm này đều được hưởng định mức hỗ trợ tối đa bằng 70% nhóm đối tượng nhóm 1 (nhóm ưu tiên). Đơn vị soạn thảo giữ nguyên theo dự thảo nghị quyết đã xây dựng.
Điều 3. Mức hỗ trợ cho 01 dự án phát triển sản xuất	Chi cục Kiểm lâm: Văn bản số 766/CCKL-SDPTR ngày 12/5/2026	<p>- Tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết: Đề nghị xem xét đề xuất tăng mức hỗ trợ tối đa đối với 01 dự án phát triển sản xuất cộng đồng lên mức 2 tỷ đồng/01 dự án. Lý do hiện nay cả nước đang thực hiện xấp xếp thôn, tổ dân phố theo hướng tăng quy mô dân số, giảm số lượng đầu mối trong các thôn, tổ, dân phố, do đó việc đề xuất tăng mức hỗ trợ tối đa đối với 01 dự án phát triển sản xuất cộng đồng là cần thiết và phù hợp với quy mô các cộng đồng trong các thôn, tổ dân phố sau khi xấp xếp.</p> <p>- Tại khoản 3 Điều 3, của dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ bằng 03 tỷ đồng/01 dự án. Đề nghị xem xét đề xuất tăng mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ lên mức 05 tỷ đồng/01 dự án. Lý do: Tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương”.</p>	Dựa trên đánh giá tác động của chính sách và nguồn lực của tỉnh, giữ nguyên định mức như dự thảo đã xây dựng.
	Trung tâm Khuyến nông: Văn bản số 123/TTKN-KHKT	- Nội dung quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết hiện chưa bảo đảm sự thống nhất với nội dung tại Điều 3 trong bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu và làm rõ để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hồ sơ dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung thống nhất trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Sở Tài chính (lần 1): Văn bản số 3652/STC-NS ngày 16/5/2026	<p>Đối với định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất (Điều 4 dự thảo Nghị quyết). tham gia 01 dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát</p> <p>Về mức hỗ trợ: Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình nghèo; đối tượng còn lại bằng 70% so với mức hỗ trợ của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tuy nhiên dự án phát triển sản xuất tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết được phân chia thành 03 loại với mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng dự án là khác nhau, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Tối đa 5,5 tỷ đồng/dự án. - Dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Tối đa 01 tỷ đồng/dự án. - Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Tối đa 03 tỷ đồng/dự án. <p>Như vậy với việc quy định cùng 01 mức hỗ trợ cho 03 loại dự án sẽ không phù hợp với quy mô, tính chất và mức hỗ trợ từ NSNN đối với từng loại dự án. Do đó đề nghị xem xét quy định mức hỗ trợ phù hợp với từng loại dự án.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo nghị quyết, sau khi xem xét nguồn lực đã nâng định mức hỗ trợ trực tiếp tối đa cho 01 hộ gia đình tham gia và phân theo 03 loại dự án, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị định mức tối đa cho 01 hộ là 60 triệu đồng; - Dự án phát triển sản xuất cộng đồng định mức tối đa là 50 triệu đồng/ 01 hộ gia đình; - Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ định mức tối đa là 60 triệu đồng/ 01 hộ gia đình.
	Chi cục Kiểm lâm: Văn bản số 766/CCKL-SDPTR ngày 12/5/2026	<p>- Tại Điều 4 đề nghị xem xét bổ sung thêm đối tượng “01 đối tượng người dân” tham gia các dự án hỗ trợ sản xuất. Lý do: Tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án ...”.</p>	<p>Tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết quy định về định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án, do đó đối tượng tham gia được xác định là hộ gia đình (trường hợp hộ đơn thân vẫn được hiểu là hộ gia đình), nên đơn vị soạn thảo giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết.</p>
	UBND xã Bắc Mê: Văn bản số 552/UBND-PKT ngày 22/5/2026	<p>- Tại Khoản 1, Điều 4 “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” chưa phù hợp đề nghị không quy định mức hưởng tối đa và ghi “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>Lý do: Hiện nay, giá giống, vật tư nông, lâm nghiệp tăng cao, quy định như vậy dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án.</p>	

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 4. Định mức hỗ trợ cho từng đối	UBND xã Hoàng Su Phì: Văn bản số 706/UBND-PKT ngày 21/5/2026	<p>- Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>- Lý do đề xuất: Quy định mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ không phù hợp với thực tế do giá cả vật tư nông, lâm nghiệp và con giống hiện nay tăng cao. Cụ thể như chi phí mua một con bò giống (trọng lượng khoảng 220kg với đơn giá 100.000 đồng/kg) đã lên đến 22 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con bò giống, dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án</p>	Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, sau khi xem xét đánh giá tác động chính sách đã nâng mức hỗ trợ trực tiếp tối đa cho 01 hộ gia đình và phân theo 03 loại dự án tham gia, như sau: - Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị định mức tối đa cho 01 hộ là 60 triệu đồng.
	UBND xã Nậm Dịch: Văn bản số 603/UBND-PKT ngày 22/5/2026	<p>- Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình khi tham gia dự án”.</p> <p>- Ủy ban nhân dân xã Nậm Dịch đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn về cơ chế đối ứng của người dân, quy trình lựa chọn dự án và công tác quản lý, giám sát sau hỗ trợ nhằm tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.</p>	
	UBND xã Pò Ly Ngải: Văn bản số 349/UBND-PKT ngày 19/5/2026	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>Lý do đề xuất: Quy định mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ không phù hợp với thực tế do giá cả vật tư nông, lâm nghiệp và con giống hiện nay tăng cao. Ví dụ, chi phí mua một con bò giống (trọng lượng khoảng 220 kg với đơn giá 100.000 đồng/kg) đã lên đến 22 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con bò giống, dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án.</p>	

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
tượng tham gia dự án phát triển sản xuất	UBND xã Yên Lập: Văn bản số 543/UBND-KT ngày	<p>- Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>- Lý do đề xuất: Quy định mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ không phù hợp với thực tế do giá cả vật tư nông, lâm nghiệp và con giống hiện nay tăng cao. Cụ thể như chi phí mua một con bò giống (trọng lượng khoảng 220kg với đơn giá 100.000 đồng/kg) đã lên đến 22 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con bò giống, dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án</p>	<p>mức tối đa cho 01 hộ là 50 triệu đồng;</p> <p>- Dự án phát triển sản xuất cộng đồng định mức tối đa là 50 triệu đồng/ 01 hộ gia đình;</p> <p>- Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ định mức tối đa là 60 triệu đồng/ 01 hộ gia đình.</p> <p>Dự thảo quy định định mức tối đa để phù hợp với điều kiện phân bổ vốn chung hiện nay của cả tỉnh và đảm bảo nguồn lực cho nhiều hộ gia đình có thể tiếp cận được với chính sách.</p>
	UBND xã Tân Tiến: Văn bản số 640/UBND-PKT ngày 22/5/2026	<p>Tại Khoản 1, Điều 4 dự thảo: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình”.</p> <p>- UBND xã đề xuất điều chỉnh: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>Lý do: Hiện nay do giá cả vật tư, thức ăn và cây con giống cây trồng, vật nuôi hiện nay tăng cao, với định mức 40 triệu đồng không còn phù hợp để hỗ trợ giảm nghèo. Ví dụ: Với chi phí tại thời điểm rà soát trên địa bàn, kinh phí mua một con bò cái giống (trọng lượng theo Quyết định 94/QĐ-UBND là 220kg, với đơn giá thị trường 100.000 đồng/kg) chi phí mua con giống 22 triệu đồng, 01 con trâu cái giống (trọng lượng 280 kg, với đơn giá thị trường 95.000đồng/kg) chi phí mua con giống 26,6 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con trâu, bò giống. Ngoài ra, Dự án chăn nuôi khác như chăn nuôi lợn, căn cứ định mức hỗ trợ mới chưa đủ kinh phí hỗ trợ nuôi 10 con lợn thương phẩm (chi phí chăn nuôi khoảng 5,5 triệu đồng/con, gồm: giá lợn giống 2,2 triệu/con trở lên, thức ăn 225kg tương đương 3,3 triệu/con), chưa tính đối ứng làm chuồng trại của gia đình. Như vậy với mức hỗ trợ tối đa 40 triệu/hộ dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững, sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án.</p>	

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
	UBND xã Thành Tín: Văn bản số 625/UBND-PKT ngày 18/5/2026	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>- Lý do đề xuất: Quy định mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ không phù hợp với thực tế do giá cả vật tư nông, lâm nghiệp và con giống hiện nay tăng cao. Ví dụ, chi phí mua một con bò giống (trọng lượng khoảng 220kg với đơn giá 100.000 đồng/kg) đã lên đến 22 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con bò giống, dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án.</p>	
	UBND xã Thông Nguyên: Văn bản số 314/UBND-PKT ngày 18/5/2026	<p>Kiến nghị: Điều chỉnh Khoản 1, Điều 4 từ: “Định mức hỗ trợ trực tiếp cho 01 hộ gia đình tham gia dự án tối đa 40 triệu đồng/hộ gia đình” thành: “Định mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của hộ gia đình tham gia dự án”.</p> <p>- Lý do đề xuất: Quy định mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ không phù hợp với thực tế do giá cả vật tư nông, lâm nghiệp và con giống hiện nay tăng cao. Ví dụ, chi phí mua một con bò giống (trọng lượng khoảng 220kg với đơn giá 100.000 đồng/kg) đã lên đến 22 triệu đồng. Với định mức 40 triệu đồng, mỗi hộ không đủ kinh phí để được hỗ trợ 02 con bò giống, dẫn đến quy mô sản xuất quá nhỏ, không đảm bảo mục tiêu giúp hộ gia đình thoát nghèo bền vững sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc thay đổi phương thức hỗ trợ linh hoạt theo nhu cầu và điều kiện thực tế là cần thiết để nâng cao hiệu quả dự án.</p>	Ý kiến giống với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Thành Tín, đơn vị đã tiếp thu, giải trình,
	UBND xã Vị Xuyên: Văn bản số 1581/UBND-KT ngày 22/5/2026	<p>- Kiến nghị, đề xuất nội dung như sau: Sau khi bãi bỏ khoản 2 Điều 8 tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Sở ngành tiếp tục có văn bản hướng dẫn cụ thể về “Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia” để thống nhất và thuận lợi trong quá trình triển khai các Dự án hỗ trợ trong giai đoạn 2026 – 2030.</p>	Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển sản xuất: đối với dự án liên kết được quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 358/N2025/NĐ-CP; đối với dự án phát triển sản xuất cộng đồng được quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Đơn vị soạn thảo tiếp thu, sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành sẽ tham mưu văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.
Điều 5. Tổ chức thực hiện			

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 6. Điều khoản thi hành	Chi cục Kiểm lâm: Văn bản số 766/CCKL-SDPTR ngày 12/5/2026	- Tại Điều 6. Điều khoản thi hành: Đề nghị sửa khoản 2 Điều 6 theo hướng: “Các quy định về nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tiếp tục áp dụng để thực hiện đối với các dự án, kế hoạch, phương án đã được phê duyệt thuộc giai đoạn 2021-2025 cho đến khi hoàn thành và quyết toán theo quy định.”. Đồng thời, đề nghị rà soát kỹ nội dung bãi bỏ tại khoản 3 Điều 6 để bảo đảm không tạo khoảng trống pháp lý trong quá trình tổ chức thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
	Văn phòng Sở: Văn bản số 26/CV-VP ngày 12/5/2026	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét nội dung quy định tại khoản 3, Điều 6 của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp. - Lý do: Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết quy định như sau: “Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.” - Như vậy, việc dự thảo Nghị quyết bãi bỏ khoản 2 Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là chưa phù hợp, vì khoản 2 Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh chứa nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (kèm theo Văn bản số 303/PTNT&QLCL nêu trên).	Đơn vị soạn thảo giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết, do các quy định tại khoản 2 Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được cụ thể hóa Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Hai Nghị định này (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và 38/2023/NĐ-CP) được Nghị định số 358/2025/NĐ-CP bãi bỏ.
	UBND xã Tân Quang: Văn bản số 545/UBND-PKT ngày 26/5/2026	Tại khoản 2 Điều 6 (Điều khoản thi hành), dự thảo nếu sẽ tiếp tục áp dụng một số mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục của Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, hướng dẫn bằng văn bản riêng đối với các biểu mẫu này ngay sau khi Nghị quyết được ban hành, nhằm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã dễ dàng triển khai, tránh lúng túng trong khâu lập và thẩm định hồ sơ ở cơ sở. Kính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm điều khoản hoặc phụ lục hướng dẫn rõ ràng về quy trình xác định "thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo" để địa phương có căn cứ chính xác khi áp dụng mốc thời gian "trong vòng 36 tháng" đối với hộ mới thoát nghèo.	Đối với việc xác định "thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo" để địa phương có căn cứ chính xác khi áp dụng mốc thời gian "trong vòng 36 tháng" đối với hộ mới thoát nghèo: Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	<p>c) Điều 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, đề nghị xem lại quy định này vì Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 đã hết giai đoạn thực hiện. - Bỏ khoản 4 vì trong nội dung dự thảo Nghị quyết không viện dẫn thực hiện theo văn bản nào. 	Đơn vị soạn thảo giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết: - Giữ nguyên khoản 2 Điều 6, do: Chủ trương cho phép của Quốc hội kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn các năm 2021, 2022, 2023, 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) đến hết ngày 31/12/2026 đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Quy định chuyển tiếp tại Điều 57 Nghị định 358/2025/NĐ-CP. - Tiếp thu bỏ khoản 4 Điều 6 dự thảo nghị quyết.
Nơi nhận	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	Đề nghị chỉnh sửa nơi nhận “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp”, “Trung tâm Thông tin và Công báo Tuyên Quang” thành “Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh (đăng công báo)” cho chính xác.	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: Văn bản số 367/CNTYTS-CNTS ngày 13/5/2026	Đề nghị bộ phận soạn thảo thay thế cụm từ “trước sáp nhập” bằng cụm từ “trước hợp nhất” trong “dự thảo Báo cáo tổng kết việc thi hành chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất cộng đồng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”; đồng thời rà soát lại một số lỗi chính tả trong dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Phụ lục I và Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (như: Phía dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết không có đường kẻ ngang;.v.v...).	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
	Chi cục Kiểm lâm: Văn bản số 766/CCKL-SDPTR ngày 12/5/2026	- Về kỹ thuật soạn thảo: Đề nghị rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết đảm bảo đầy đủ, chính xác và phù hợp, ví dụ: bỏ cụm từ “tỉnh Tuyên Quang” trong cụm từ “Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang” ban hành Nghị quyết..., và chỉnh sửa thành: “Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ...”; khoảng cách lề dưới, khoảng cách dòng...	Tiếp thu ý kiến. Đơn vị soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp: Văn bản số 1412/STP-XDKTVB&THPL ngày 24/5/2026	Sau khi tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội (nếu có), đề nghị cơ quan soạn thảo đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (lưu ý: thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định). Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi về Sở Tư pháp để thẩm định theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Lưu ý: Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.	Đơn vị soạn thảo tiếp thu ý kiến.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/ phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
Nội dung khác	Sở Tài chính (lần 2): Văn bản số 3848/STC-NS ngày 22/5/2026	Bổ sung tại dự thảo Tờ trình đánh giá sơ bộ việc hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình tham gia dự án thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025, việc sử dụng kinh phí của các hộ gia đình được hỗ trợ trực tiếp khi tham gia Dự án	Đơn vị soạn thảo tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa, bổ sung trong dự thảo Tờ trình.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/ phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
II	Các đơn vị có Văn bản tham gia nhất trí với dự thảo		
1	Trung tâm thông tin- Hội nghị tỉnh	Trong thời gian đăng tải, Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Cổng TTĐT tỉnh (Văn bản số 248/VP-BBT ngày 25/5/2026).	
2	Văn phòng Sở	Trong thời gian đăng tải, Văn phòng Sở không nhận được ý kiến, kiến nghị, phản hồi của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với hồ sơ dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật (tại Văn bản số 3038/SNNMT-PTNT&QLCL) trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 38/CV-VP ngày 26/5/2026).	
3	Ngoại vụ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 953/SNgV- VP ngày 15/5/2026)	
4	Sở Công thương	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1862/SCT-NL ngày 19/5/2026)	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1599/SGDDT-KHTC ngày 18/5/2026)	
6	Sở Nội vụ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1731/SNV-VP ngày 18/5/2026)	
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 732/SDTTG-CSDT ngày 21/5/2026)	
8	Sở Y tế	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 2843/SYT-KHTC ngày 20/5/2026)	
9	Sở Văn hóa, TT&DL	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1573/SVHTTDL-KHTC ngày 19/5/2026)	
10	Sở Xây dựng	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 2569/SXD-QHKT ngày 25/5/2026)	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1787/SKHCCN- QLCN&CN ngày 28/5/2026)	
12	Trung tâm Khoa học NN&MT	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 31/CV-TTKH ngày 12/5/2026)	
13	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 359/TTBVTV-TrTr ngày 19/5/2026)	
14	Chi cục Quản lý đất đai	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 269/CCĐĐ- HCTH ngày 29/5/2026)	
15	Tân Mỹ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 327/UBND-KT ngày 15/5/2026)	
16	Đường Hồng	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 411/UBND-KT ngày 15/5/2026)	
17	Lùng Tám	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 354/BC-UBND ngày 15/5/2026)	
18	Bạch Ngọc	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 573/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
19	Bạch Xa	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 691/CV-UBND ngày 22/5/2026)	
20	Bằng Lang	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 391/UBND ngày 19/5/2026)	
21	Hồ Thâu	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 682/UBND-KT ngày 27/5/2026)	
22	Cán Tỷ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 354/BC-UBND ngày 18/5/2026)	
23	Hồng Sơn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 592/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
24	Hồng Thái	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 596/UBND-TH ngày 18/5/2026)	
25	Hùng Lợi	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 355/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
26	Kim Bình	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 527/UBND-KT ngày 21/5/2026)	
27	Linh Hồ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 577/UBND-KT ngày 19/5/2026)	

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
28	Minh Thanh	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 722/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
29	Niêm Sơn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 341/CV-UBND ngày 18/5/2026)	
30	Phù Lưu	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 772/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
31	Quảng Nguyên	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 722/UBND-PKT ngày 18/5/2026)	
32	Sùng Máng	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 596/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
33	Tùng Vải	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 296/BC-UBND ngày 21/5/2026)	
34	Tri Phú	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 343/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
35	Trung Hà	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 317/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
36	Trung Sơn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 407/UBND-VP ngày 18/5/2026)	
37	Bản Máy	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 673/UBND-PKT ngày 15/5/2026)	
38	Yên Phú	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1126/CV-UBND ngày 20/5/2026)	
39	Phường Hà Giang 1	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1183/UBND-KTHT&ĐT ngày 22/5/2026)	
40	Tân Trịnh	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 630/UBND ngày 22/5/2026)	
41	Lũng Phìn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 363/UBND-KT ngày 22/5/2026)	
42	Tân Thanh	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 577/UBND-KT ngày 22/5/2026)	
43	Chiêm Hóa	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1086/UBND-KT ngày 22/5/2026)	
44	Đường Thượng	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 638/UBND-KT ngày 22/5/2026)	
45	Đông Thọ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 366/UBND-KT ngày 22/5/2026)	
46	Tát Ngà	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 386/UBND-KT ngày 22/5/2027)	
47	Tiên Yên	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 292/UBND ngày 22/5/2026)	
48	Hàm Yên	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 767/UBND-KT ngày 21/5/2028)	
49	Khuôn Lùng	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 614/CV-UBND ngày 19/5/2026)	
50	Tân Trào	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 590/UBND-KT ngày 20/5/2026)	
51	Thắng Mố	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 459/UBND-PKT ngày 22/5/2026)	
52	Sơn Vĩ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 316/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
53	Tùng Bá	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 432/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
54	Thái Sơn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 503/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
55	Cao Bồ	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 447/UBND-KT ngày 21/5/2026)	
56	Sà Phìn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 691/CV-UBND ngày 19/5/2026)	
57	Phường Nông Tiến	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 529/UBND-KTHT ngày 20/5/2026)	
58	Tân An	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 688/UBND-KT ngày 20/5/2026)	
59	Bình Ca	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 747/UBND-KT ngày 19/5/2026)	

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, điều, khoản	Chủ thể góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung góp ý/tham vấn/phản biện	Nội dung tiếp thu, giải trình
60	Yên Nguyên	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 736/UBND-KT ngày 20/5/2026)	
61	Phường Minh Xuân	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1347/UBND-KTHT&ĐT ngày 23/5/2026)	
62	Ngọc Đường	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 972/UBND-KT ngày 20/5/2026)	
63	Yên Sơn	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 2677/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
64	Vĩnh Tuy	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 728/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
65	Yên Lập	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 503/UBND-KT ngày 18/5/2026)	
66	Phú Lương	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 409/UBND-KT ngày 19/5/2026)	
67	Phường Bình Thuận	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 597/UBND-KTHT&ĐT ngày 15/5/2026)	
68	Phường Hà Giang 2	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1001/UBND-KTHTĐT ngày 18/5/2026)	
69	Tiên Nguyên	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 548/UBND ngày 25/5/2026)	
70	Yên Thành	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 439/UBND ngày 25/5/2026)	
71	Khâu Vai	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 487/UBND-KT ngày 25/5/2026)	
72	Minh Tân	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 744/UBND-KT ngày 25/5/2026)	
73	Tân Long	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 624/UBND-KT ngày 25/5/2026)	
74	Phường An Tường	Nhất trí với nội dung dự thảo (Văn bản số 1412/UBND-KTHTĐT ngày 25/5/2026)	